

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần đường sắt Nghệ Tĩnh
Tên tiếng Anh: Nghe Tinh Railway Joint Stock Company
Năm báo cáo: năm 2019

I. Thông tin chung:**1. Thông tin khái quát.**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 2900330702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 01/12/2010, cấp thay đổi lần 1 ngày 08/01/2016. thay đổi lần 2 ngày 30/5/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.
- Vốn điều lệ: **14.920.000.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **7.609.200.000 đồng**
- Địa chỉ: Số 27A đường Lê Ninh, Phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại: **02383 853880**
- Số fax: **02383531341**
- Website: dsnghetinh.vn
- Mã cổ phiếu: NTR

Quá trình hình thành và phát triển:

- Thành lập theo quyết định số 869/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17/4/1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích Xí nghiệp quản lý Đường sắt Nghệ Tĩnh; Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20/3/2003 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về việc đổi tên xí nghiệp quản lý Đường sắt Nghệ Tĩnh doanh nghiệp Nhà nước thuộc Liên hiệp Đường sắt Việt Nam thành Công ty quản lý Đường sắt Nghệ Tĩnh; Quyết định số 734/QĐ-ĐS ngày 29/6/2010 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc chuyển Công ty Quản lý Đường sắt Nghệ Tĩnh thành Công ty TNHH MTV quản lý đường sắt Nghệ Tĩnh;

Tại quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV quản lý đường sắt Nghệ Tĩnh thuộc Tổng công ty đường sắt Việt Nam thành Công ty cổ phần đường sắt Nghệ Tĩnh;

- Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

ngày 03/11/2016 theo quyết định số 711/QĐ - SGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;

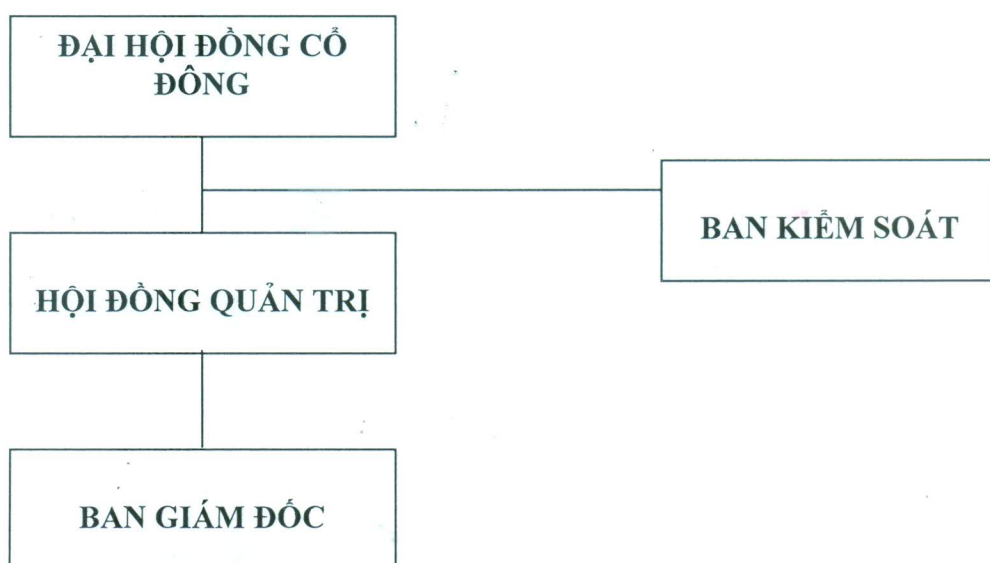
- Năm 2019: Vốn điều lệ của Công ty: 14.920.000.000 đồng .

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Xây dựng, sửa chữa các công trình xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Xây dựng nhà các loại;
- Tư vấn thiết kế và giám sát công trình xây dựng.
- Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng;
- Cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh nhà nghỉ, cho thuê văn phòng, cửa hàng kho bãi và kinh doanh dịch vụ khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

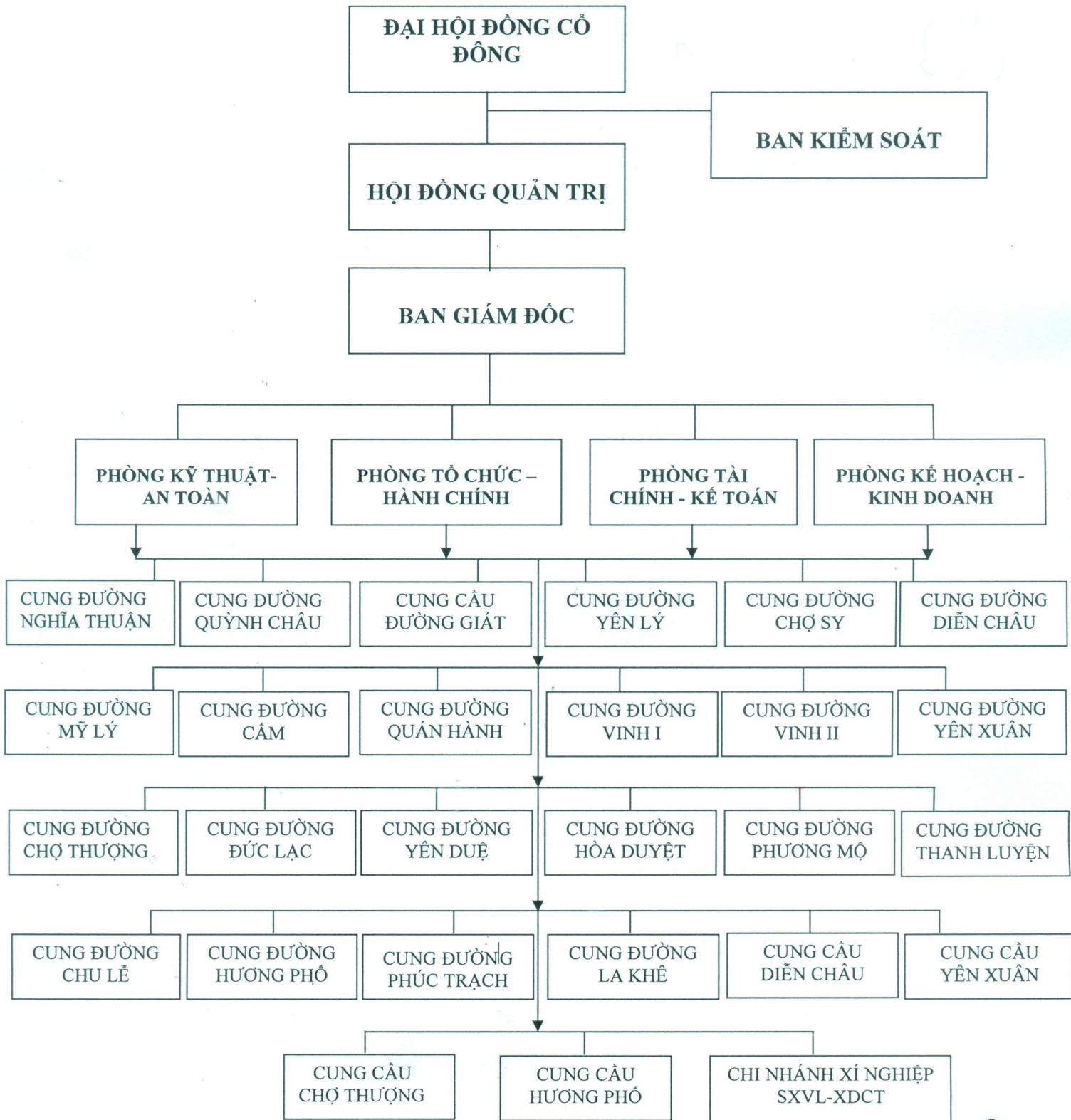
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:



- Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất Công ty.

- Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, gồm 03 thành viên.
- Hội đồng quản trị Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, gồm 03 thành viên.
- Ban điều hành Công ty: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 01 Kế toán trưởng.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



Bộ máy tổ chức Công ty bao gồm:

- + Hội đồng quản trị:
- + Ban Kiểm soát:
- + Ban Điều hành:
- + Phòng nghiệp vụ: có 04 phòng

Tài chính - Kế toán; Kế hoạch - Kinh doanh; Phòng Kỹ thuật - An toàn; Tổ chức - Hành Chính;

+ Đơn vị trực thuộc: 26 đơn vị cung cầu đường và 01 chi nhánh (Xí nghiệp sản xuất vật liệu & Xây dựng công trình).

4. Định hướng phát triển:

* Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2019.

- Đảm bảo hoàn thành kế hoạch quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt theo đơn đặt hàng của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
- Tăng cường đưa máy móc thiết bị vào thi công, thường xuyên kiểm tra chất lượng cầu đường;
- Tập trung sửa chữa khẩn cấp, chống xóc lắc, xử lý các điểm xung yếu, sửa chữa đường cong trên toàn tuyến đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Hoàn thành các công trình ngoài, công trình kiến trúc và sản xuất phụ đúng tiến độ đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Huy động và sử dụng các nguồn lực để tổ chức sản xuất có hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận, cải thiện điều kiện việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, bảo đảm lợi ích tối đa cho các cổ đông;
- Nâng cao chất lượng cầu đường, công lệnh tải trọng và công lệnh tốc độ;
- Mở rộng tìm kiếm các công trình ngoài kế hoạch đặt hàng của Tổng công ty đường sắt Việt Nam để tăng thu nhập và lợi nhuận cho Công ty;
- Hoàn thành mọi nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, góp phần xây dựng, phát triển đất nước.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2019:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính doanh nghiệp:

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | Kế hoạch | Thực hiện năm 2019 | tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước(%) | tỷ lệ so với kế hoạch (%) |
|----|------------------------|----------|--------------------|-----------------------------------|---------------------------|
| 1 | Tổng sản lượng | 135.872 | 134.666 | 101,8 | 99,11 |
| 2 | Tổng doanh thu | 123.520 | 123.597 | 102,75 | 100,06 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 3.860 | 3.903 | 151,6 | 101,1 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 3.088 | 3.096,5 | 151,9 | 100,3 |
| 5 | Tỷ lệ cổ tức/VĐL | 12,4% | 12,4% | 137,8 | 100 |
| 6 | Thu nhập BQ | 8.769 | 9.090 | 110,5 | 103,7 |
| 7 | Hệ số bảo toàn vốn | 1 | 1,20 | 116,5 | 120,0 |
| 8 | Khả năng thanh toán nợ | 1 | 1,41 | 111,9 | 141,0 |

Năm 2019 về sản lượng so với cùng kỳ năm 2018 tăng 1,8% và so với kế hoạch của Nghị quyết Đại hội cổ đông giảm 0,89%. Doanh thu tăng 0,06% so với kế hoạch của Nghị quyết Đại hội cổ đông đề ra so với cùng kỳ năm 2018 tăng 2,75% .

- Lợi nhuận đạt 100,3 % so với kế hoạch, so với cùng kỳ năm 2018 tăng 51,9 %.
- Tình hình quản lý sử dụng vốn: Hệ số bảo toàn vốn bằng 1,20 lần Công ty sử dụng hiệu quả, bảo toàn vốn Chủ sở hữu.
- Thu nhập bình quân người lao động đạt **9.090** đồng/người/tháng, so với cùng kỳ năm trước (**8.228.000** đồng/người/tháng) tăng 10.5 %, so với kế hoạch (**8.769.000** đồng/người/tháng) tăng 3,6%.

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Trong năm 2019, Công ty đầu tư thực hiện mua mới TSCĐ phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh như sau:

| Tài sản cố định | ĐVT | SL | Đơn giá | Kinh phí |
|--|-----|----|---------------|----------------------|
| Máy cắt ray NQG-5III – Trung Quốc | Cái | 01 | 77.000.000 | 77.000.000 |
| Máy chèn đường thủy lực động cơ dầu – Trung Quốc | Bộ | 01 | 297.000.000 | 297.000.000 |
| Máy tháo lắp bu lông – Trung Quốc | cái | 02 | 46.200.000 | 92.400.000 |
| Máy khoan ray NZG – 31 – Trung Quốc | cái | 01 | 77.000.000 | 77.000.000 |
| Máy chèn tay | Bộ | 01 | 977.900.000 | 977.900.000 |
| Ô tô ray công vụ | cái | 01 | 3.703.000.000 | 3.703.000.000 |
| Tổng cộng | | | | 5.224.300.000 |

Tổng số tiền: 5.224.300.000 (Năm tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng)

2. Tổ chức và nhân sự.

2.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

+ Hội đồng quản trị:

| | | |
|----------------------|-----------------|---------------------|
| 1. Ông Trần Văn Sĩ | Chủ tịch HĐQT | Bầu ngày 18/05/2017 |
| 2. Ông Cao Tiến Hùng | Thành viên HĐQT | Bầu ngày 30/12/2015 |
| 3. Ông Trần Văn Kế | Thành viên HĐQT | Bầu ngày 27/04/2017 |

+ Ban kiểm soát:

| | | |
|------------------------------|------------|----------------------------|
| 1. Bà: Trần Thị Hồng Mơ | Trưởng ban | Bầu ngày 25/04/2019 |
| 2. Bà: Nguyễn Thanh Chi | Thành viên | Bầu ngày 30/12/2015 |
| 3. Ông: Nguyễn Văn Hào | Thành viên | Bầu ngày 27/4/2017 |
| 4. Bà: Nguyễn Thị Ninh Giang | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 25/04/2019 |

+ Ban điều hành:

| | | |
|------------------------|----------------|------------------------------|
| 1. Ông Cao Tiến Hùng | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 01/01/2016 |
| 2. Ông Trần Văn Sĩ | Phó Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 26/04/2017 |
| 3. Ông Trần Văn Kế | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02/09/2017 |
| 4. Ông Trần Quốc Toàn | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/09/2018 |
| 5. Ông Vương Thừa Tiệp | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 01/01/2016 |

- Các phòng nghiệp vụ: Gồm có 12 thành viên, Trưởng phòng, Phó phòng, Giám đốc chi nhánh.

2.2 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Điều hành:

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

| Họ và tên | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Chức vụ | Chức vụ khác |
|---------------|----------|--------------------------|-----------------|----------------|
| Trần Văn Sĩ | 1963 | Kỹ sư đường sắt | Chủ tịch HĐQT | Bí thư đảng ủy |
| Cao Tiến Hùng | 1966 | Kỹ sư xây dựng cầu đường | Thành viên HĐQT | Giám đốc |
| Trần Văn Kế | 1980 | Kỹ sư đường sắt | Thành viên HĐQT | Phó giám đốc |

- BAN KIỂM SOÁT:

| Họ và tên | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Chức vụ |
|------------------|----------|---------------------|----------------------|
| Trần Thị Hồng Mơ | 1985 | Cử nhân kinh tế | Trưởng ban kiểm soát |
| Nguyễn Văn Hào | 1983 | Cử nhân kinh tế | Ủy viên |
| Nguyễn Thanh Chi | 1983 | Cử nhân kinh tế | Ủy viên |

- BAN ĐIỀU HÀNH:

| Họ và tên | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Chức vụ |
|-----------------|----------|-----------------------------|----------------|
| Cao Tiến Hùng | 1966 | Kỹ sư xây dựng cầu đường | Giám đốc |
| Trần Văn Kế | 1980 | Kỹ sư đường sắt | Phó giám đốc |
| Trần Quốc Toàn | 1982 | Kỹ sư xây dựng cầu đường | Phó giám đốc |
| Vương Thừa Tiếp | 1961 | Cử nhân kinh tế công nghiệp | Kế toán trưởng |

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không

2.3 Số lượng cán bộ, công nhân viên và chính sách với người lao động:

- Số lượng tính đến ngày 31/12/2019 có: 558 cán bộ, công nhân viên;

- Tham gia đóng đầy đủ BHXH, BHYT, BHTT: 558 Cán bộ, công nhân viên;

- Chăm lo đời sống và giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho người lao động. Phối hợp với trung tâm y tế dự phòng đường sắt tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV trong toàn Công ty, tổ chức tuần lễ vệ sinh an toàn và phòng chống dịch bệnh mùa hè tại các đơn vị trực thuộc trong Công ty.

3. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính.

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 53.444.016.323 | 63.808.620.942 | 19,39 |
| Doanh thu thuần | 119.372.241.373 | 122.423.400.757 | 2,55 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 2.931.942.548 | 4.051.068.302 | 38,17 |
| Lợi nhuận khác | (357.936.543) | (147.612.826) | (58,76) |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.574.006.005 | 3.903.455.476 | 51,65 |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.038.690.856 | 3.096.547.433 | 51,89 |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn | 1,26 | 1,23 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh | 1,28 | 1,16 | |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,68 | 0,71 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 2,36 | 2,43 | |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | | | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 45,44 | 39,9 | |
| +Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 2,23 | 1,92 | |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,017 | 0,025 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,133 | 0,166 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,038 | 0,048 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,025 | 0,033 | |

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần.

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (Cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...):

Chỉ có 01 loại cổ phiếu phổ thông với số lượng: 1.492.000 cổ phiếu phổ thông lưu hành mệnh giá: 10.000 đ/cp;

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): Không có.

- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: 1.342.800.000 đồng;

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 2.075 đ/CP.

b) Cơ cấu cổ đông:

| Số TT | Tên cổ đông | Địa chỉ liên lạc | Loại cổ phần | Số cổ phần | Tỷ lệ CP/VĐL | Ghi chú |
|-------|--|--|-------------------|------------|--------------|---------|
| 1 | Tổng công ty đường sắt Việt Nam | Số 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần Phổ thông | 760.920 | 51% | |
| 2 | Cổ phần bán cho người lao động trong Công ty | | Cổ phần Phổ thông | 731.080 | 49% | |

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần /vốn góp của thành viên HĐQT không thay đổi trong năm 2019.

III. Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Những nét nổi bật về hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019.

Đơn vị: triệu đồng

| Chi tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | % so với năm 2018 |
|----------------------|----------|----------|-------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 53.444 | 63.808,6 | 119,39 |
| Doanh thu thuần | 119.372 | 122.423 | 102,55 |
| Lợi nhuận từ HĐSXKD | 2.932 | 4.051 | 138,17 |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.574 | 3.903 | 151,65 |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.038,7 | 3.096,5 | 151,89 |

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch.

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | KH 2019 | TH 2019 | (+/-) % so với KH |
|-----------------------------|---------|---------|-------------------|
| Vốn điều lệ | 14.920 | 14.920 | 100 |
| Doanh thu thuần | 123.350 | 122.423 | 99,25 |
| Lợi nhuận sau thuế | 3.088 | 3.096,5 | 100,3 |
| LN sau thuế/Doanh thu thuần | 0,025 | 0,025 | 100 |
| LN sau thuế/Vốn điều lệ | 0,207 | 0,208 | 100,5 |

Năm 2019 tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông là:

Vốn điều lệ không tăng, doanh thu thuần giảm 0,75%, lợi nhuận sau thuế tăng 0,30 %.

IV. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

| Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ | Số cổ phần nắm giữ tại Công ty |
|---------------|----------|-----------------|--------------------------------|
| Trần Văn Sĩ | 1963 | Chủ tịch HĐQT | 5.610 |
| Cao Tiến Hùng | 1966 | Thành viên HĐQT | 31.636 |
| Trần Văn Kế | 1980 | Thành viên HĐQT | 4.462 |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Để giải quyết các công việc cần có ý kiến của HĐQT liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản lý, HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp và ban hành 06 nghị quyết của Hội đồng quản trị. Qua các cuộc họp HĐQT Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT có ý kiến chỉ đạo. Hội đồng quản trị giám sát đầy đủ Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

| Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ | Số cổ phần nắm giữ tại Công ty |
|------------------|----------|----------------------|--------------------------------|
| Trần Thị Hồng Mơ | 1985 | Trưởng ban kiểm soát | 6.900 |
| Nguyễn Văn Hào | 1983 | Kiểm soát viên | 700 |
| Nguyễn Thanh Chi | 1983 | Kiểm soát viên | 800 |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát.

Trong năm 2019, việc thực hiện công tác kiểm soát đối với Hội Đồng quản trị và Ban Điều hành luôn thực hiện đầy đủ, kịp thời, hỗ trợ tích cực cho hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát duy trì kế hoạch làm việc theo đúng quy định, kết hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong quá trình thực thi nhiệm vụ của

mình, đảm bảo hoạt động của Công ty được hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Năm 2019 Ban kiểm soát đã tổ chức 06 cuộc họp giám sát các chuyên đề nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Hoạt động của Ban điều hành:

Trong năm 2019, Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai những phương hướng nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị đã đề ra với tinh thần trách nhiệm nhằm đem lại lợi ích lớn nhất cho Công ty và các cổ đông, đảm bảo đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.

+ Tiền lương:

| Chức Danh | Tiền lương |
|----------------------------|--------------------------|
| Chủ tịch hội đồng quản trị | 27.516.000 đ/người/tháng |
| Giám đốc | 26.484.000 đ/người/tháng |
| Phó giám đốc | 22.826.000 đ/người/tháng |
| Kế toán trưởng | 20.998.000 đ/người/tháng |
| Trưởng ban kiểm soát | 19.350.000 đ/người/tháng |

+ Tiền thưởng: Năm 2019 có khoản thưởng của năm 2018 cho HĐQT và BKS, Ban điều hành số tiền là 123.050.000 (Một trăm hai mươi ba triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng);

+ Thành viên BKS thù lao kiêm nhiệm 600.000 đ/tháng;

+ Các quyền khác: Không có quyền lợi đặc biệt nào.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.

Công ty thực hiện đầy đủ theo quy định pháp luật về quản trị Công ty.

V. Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến kiểm toán.

- Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía bắc;
- Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía

cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh tại thời điểm 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

- Các nhận xét đặc biệt: Không có.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Nghệ An, ngày 13 tháng 3 năm 2020

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Sĩ